

Bản án số: 59/2020/HNGĐ - ST

Ngày 29/6/2020

“*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đức Lý.
2. Ông Đỗ Xuân Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H'Mi Chan Niê, Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 748/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/9/2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 12/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu A, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số 08, đường 18B, thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1986; Nơi ĐKHKTT: Số 01 đường 31B, thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị Thu A trình bày có nội dung như sau:

Chị Đinh Thị Thu A và anh Phạm Thanh P tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B vào ngày 31/3/2014.

Sống chung hạnh phúc một thời gian thì 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh P nghiện ma túy, cờ bạc và hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện số 01, thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk

Nông. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị A có nguyện vọng xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Hoàng Gia B, sinh ngày 21/9/2014 hiện nay cháu đang ở với chị A. Chị A có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đinh Thị Thu A có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, hiện đang sống chung với bố mẹ nên có người phụ giúp nuôi con chung, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phạm Thanh P trình bày nội dung:

Anh Phạm Thanh P và chị Đinh Thị Thu A có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B vào ngày 31/02/2014.

Trong quá trình sống chung thì vợ chồng cũng có lúc mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, nay chị A có nguyện vọng xin được ly hôn thì anh P đồng ý và cũng đồng ý với các yêu cầu trong vụ án của chị A. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu A xin ly hôn anh Phạm Thanh P.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thu A được ly hôn anh Phạm Thanh P.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Hoàng Gia B, sinh ngày 21/9/2014 cho chị Đinh Thị Thu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Anh Phạm Thanh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Phạm Thanh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định

tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thu A và anh Phạm Thanh P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh P nghiện ma túy, không chăm lo gia đình, anh P đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện số 01, thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông từ năm 2019 cho đến nay.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị Thu A và anh Phạm Thanh P đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh P cũng có nguyện vọng đồng ý ly hôn với chị A nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị A là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ khi anh P đi cai nghiện ma túy nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung cần giao con chung là Phạm Hoàng Gia B, sinh ngày 21/9/2014 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Phạm Thanh P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A, anh P không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đinh Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0002479 ngày 23/9/2019.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Thu A xin ly hôn anh Phạm Thanh P.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thu A được ly hôn anh Phạm Thanh P.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Gia B, sinh ngày 21/9/2014 cho chị Đinh Thị Thu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Anh Phạm Thanh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị Thu A và anh Phạm Thanh P không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị Thu A và anh Phạm Thanh P không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0002479 ngày 23/9/2019.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã H, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh

